| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 326/2019/HS-PT
Ngày: 31/5/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Tự Học;

C*ác Thẩm phán*: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Điều Văn Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Tất Ba, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 63/2019/TLPT-HS ngày 08/01/2019 đối với bị cáo Đỗ Đức V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

**Bị cáo Đỗ Đức V**, sinh ngày 22/12/1976 tại Hưng Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Yên Th, Lóng Ph, Yên Ch, Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn H (Đã chết) và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1954; có vợ: Lê Thị Ch, sinh năm 1981; bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2016. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Thị Hải Th1, Văn phòng luật sư Hải Th1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Đình O không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên Đỗ Đức V (sinh năm 1976), Nguyễn Văn T (sinh năm 1974) (cùng trú tại bản Yên Th, xã Lóng Ph, huyện Yên Ch, tỉnh Sơn La) và Nguyễn Đình O (sinh năm 1962; trú tại: Xóm Khánh H1, xã Linh S, huyện Đồng H2, tỉnh Thái Nguyên), Vũ Việt S1 (sinh năm 1973; trú tại xóm Ch1, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An) đã nhiều lần cùng nhau mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Trong đó, V là người mua ma túy rồi thuê T đi cùng V vận chuyển ma túy từ huyện Yên Ch, tỉnh Sơn La về khu vực đèo Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ giao cho O và S1. Cụ thể như sau:

***Lần thứ nhất:*** Vào tháng 3/2015, Vũ Việt S1 gọi điện thoại hẹn gặp Đỗ Đức V ở ngã ba Tà L1, huyện Yên Ch, Sơn La. S1 đưa cho V 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) để V mua 02 bánh Heroin. V nhận tiền và sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào mua 02 bánh Heroin của một người tên Thông. Mua được Heroin, V mang về nhà và gọi điện cho Nguyễn Văn T, thỏa thuận thuê T đi cùng V vận chuyển 2 bánh Heroin giao cho S1 và O, V sẽ trả công cho T 5.000.000 đồng. T đồng ý và sử dụng xe ô tô BKS 26D.000.35 (xe của T) chở V đến khu vực đèo Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ để giao 02 bánh Heroin cho S1 và O. Trên đường đi V đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền công vận chuyển Heroin.

Cùng thời điểm trên, Vũ Việt S1 bảo Nguyễn Đình O thuê xe ô tô tự lái chở S1 đi nhận ma túy. Sau khi giao nhận ma túy tại đèo Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ thì O lái xe chở S1 cùng 02 bánh Heroin về Thái Nguyên. Trưa ngày hôm sau S1 gọi O lên thành phố Thái Nguyên gặp S1 tại một quán cà phê, S1 bảo O là hôm qua đi gặp V và T nhận 02 bánh Heroin rồi S1 đưa tiền công cho O là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

***Lần thứ hai:*** Trong khoảng tháng 4/2015, Đỗ Đức V và Nguyễn Văn T đi từ nhà T ở huyện Yên Ch, tỉnh Sơn La bằng xe ô tô BKS 26D-000.35 của T, chở theo 03 bánh Heroin. Đến khu vực đèo Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ, gặp Vũ Việt S1 và Nguyễn Đình O đi xe ô tô BKS 20C-022.23 đang đỗ ở lề đường, V giao 03 bánh Heroin cho S1,sau đó tất cả đi về thành phố Thái Nguyên chơi. Trong chuyến này, S1 trả O tiền công là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

***Lần thứ ba:*** Khoảng 08 giờ sáng ngày 05/01/2016, Vũ Việt S1 gọi điện bảo Nguyễn Văn T lên Thái Nguyên đón S1 lên huyện Yên Ch, tỉnh Sơn La. T lái xe ô tô BKS 89C-096.11 lên khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên đón S1. S1 lên xe và đưa cho T một bọc tiền nói đó là 54.400 USD (Năm mươi tư nghìn bốn trăm đô la Mỹ) và 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). S1 bảo T cầm toàn bộ số tiền đó về đưa cho V.Sau đó, T lái xe chở S1 đi lên một bãi vàng ở huyện Yên Ch, tỉnh Sơn La thì S1 xuống xe còn T đi về nhà.

Ngày hôm sau, T giao lại toàn bộ số tiền đó cho V. V cầm tiền và đưa lại cho T 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền công của T đi vận chuyển Heroin từ những chuyến trước. T cầm số tiền của V đưa chi tiêu cá nhân, còn lại

41.450.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng, bị thu giữ khi bị bắt quả tang).

Đỗ Đức V cầm số tiền T đưa đi mua 08 (tám) bánh Heroin của một người tên Sua rồi giao 08 bánh Heroin đó cho T, nói T mang về nhà, khi nào O gọi thì sẽ vận chuyển giao cho O.

Sau đó, O gọi điện cho T, hẹn giao nhận Heroin tại thành phố Thái Nguyên. Ngày 07/01/2016, T rủ anh Hoàng Văn Việt là hàng xóm của T, cùng đi Thái Nguyên chơi và nhờ anh Việt lái xe ô tô (anh Việt không biết việc T đi giao ma túy cho O). Anh Việt đồng ý và lái xe ô tô BKS 89C-096.11 chở T đi, khi đến khu vực huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình thì bị Công an tỉnh Hòa Bình bắt quả tang cùng vật chứng là 08 bánh Heroin.

Ngày 24/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình bắt khẩn cấpđối với Nguyễn Đình O và Đỗ Đức V tại khu vực huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Tại bản Kết luận giám định số 29/PC54 ngày 30/01/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: Chất bột màu trắng trong 8 (tám) gói dạng bánh hình hộp chữ nhật thu giữ của Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Việt có thành phần Heroin và có tổng trọng lượng là 2806,01 gam (Hai nghìn tám trăm linh sáu phẩy không một gam). *(Heroin nằm trong danh mục I, số thứ tự: 20. Nghị định 82/2013/NĐ – CP ngày 19/7/2013 ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất).*

Tại bản kết luận giám định số 123/PC45 ngày 10/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: Hàm lượng Heroin trong các mẫu chất gửi giám định lần lượt là: Mẫu M1: 72,45%; Mẫu M2: 69,85%; Mẫu M3: 77,69%; Mẫu M4: 69,23%; Mẫu M5: 64,83%; Mẫu M6: 68,06%; Mẫu M7: 70,44%; Mẫu M8: 71,98%.

Ngoài các hành vi nêu trên, bị cáo Nguyễn Văn T còn khai nhận thêm 03 lần nhận ma túy từ V rồi vận chuyển giao cho O và S1. Trong đó, hai lần không rõ số lượng, giao ở khu vực Xuân Mai – Chương Mỹ - Hà Nội và một lần có số lượng 07 bánh Heroin giao ở khu công nghiệp Ninh Hiệp – Bắc Ninh. Tuy nhiên, Nguyễn Đình O và Đỗ Đức V không thừa nhận. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm không đủ cơ sở để buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 03 lần mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/HSST/2016 ngày 28/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử, tuyên phạt Nguyễn Đình O 20 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy; Đỗ Đức V tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Nguyễn Văn T tử hình về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 06/01/2017 Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 847/2017/HSPT ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, quyết định không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên mức hình phạt là tử hình đối với Nguyễn Văn T về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự. Đồng thời, kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xét lại bản án và phần quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm.

Ngày 25/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định số 03/QĐ-VKS-HS, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 42/HSST/2016 ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình về phần trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Đức V và Nguyễn Đình O; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, theo hướng hủy phần trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Đức V và Nguyễn Đình O để xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 117/2018/HS-GĐT ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, quyết định: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 42/HSST/2016 ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình về phần hình phạt đối với Đỗ Đức V và Nguyễn Đình O; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật; các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P1 ngày 05/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố Đỗ Đức V về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định: Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt Đỗ Đức V tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tiếp tục tạm giam bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình O, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bị cáo Đỗ Đức V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Mức hình phạt Tử hình là phù hợp, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Hoàn cảnh khó khăn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, nhưng cho rằng là do T và O chỉ đạo bị cáo làm. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo thừa nhận là Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là không oan và khai nhận hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các bị cáo khác trong vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có hiệu lực pháp luật, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án và có đủ căn cứ để kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 194 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy; xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, gây bất bình trrong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo như bản án sơ thẩm đã áp dụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, khối lượng ma túy mà bị cáo đã mua bán đặc biệt lớn nên đã xử phạt bị cáo mức án Tử hình là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Vì vậy, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,*

## QUYẾT ĐỊNH

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Đỗ Đức V **Tử hình** về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tiếp tục tạm giam bị cáo để thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Đỗ Đức V có quyền làm đơn gửi ông Chủ tịch nước – Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

[2]. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Vụ I - TANDTC;
- VKSNDCC tại HN;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hòa Bình;
- Cơ quan THADS tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu, HS, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Tự Học**